TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PT
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số : 49/2018/DS-ST
Ngày: 28-02-2018
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT, TỈNH AN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa*:* Ông **Đào Chí Keo**

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông **Đặng Văn Tác**

+ Ông **Nguyễn Văn Ngân**

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa*: Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa*: Ông **Lê Hữu Đức** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT xét xử công khai vụ án thụ lý số: 240/2017/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2018/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 01 năm 2018 giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị DT**, sinh năm 1979.

Địa chỉ: tổ 8, ấp HG2, xã TH, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Huỳnh Thảo L, Văn phòng luật sư HHP- Đoàn luật sư tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn*: Bà **Lê Thị Ln**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: tổ 10, ấp HG1, xã TH, huyện PT, tỉnh An Giang.

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông **Phan Hoàng Phong P**, sinh năm 1980. Địa chỉ: tổ 8, ấp HG 2, xã TH, huyện PT, tỉnh An Giang.

4. Người làm chứng: Bà **Ngô Thị Thúy H**, sinh năm 1964

Địa chỉ: ấp BT 2, xạ BTĐ, huyện PT, tỉnh An Giang.

(Các đương sự có mặt, người làm chứng có mặt)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, nguyên đơn bà Trần Thị DT trình bày: Bà và bà Ln cư ngụ cùng xã, do nhu cầu sử dụng vốn nên bà cho bà Ln vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay bà Ln đều làm biên nhận và ký tên. Ngày 28/6/2017 âm lịch (tháng 6 trước, vì nhuận hai tháng 6), bà Ln có đến nhà vay 150.000.000 đồng, có làm biên nhận do bà Ln viết và ký tên, trong biên nhận không ghi lãi nhưng lãi suất thỏa thuận là 3%/tháng, khi vay không xác định thời hạn, khi nào bà Ln có tiền thì trả, không biết bà Ln vay với mục đích gì, chỉ biết bà Ln là nghề cò mua bán nếp, từ khi vay đến nay bà Ln không trả vốn, không trả lãi, bà có điện thoại và có đến nhà đòi nhưng bà Ln không trả vì cho rằng đã trả xong. Từ trước đến nay, khi bà Ln vay tiền thì bà đều làm biên nhận và khi trả tiền thì cùng tính lãi và xóa biên nhận nợ trước mặt bà Ln.

Nay, bà yêu cầu Tòa án buộc bà Lê Thị Ln trả cho vợ chồng số tiền 150.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 7,5%/năm từ ngày 28/6/2017 đến khi xét xử.

***** Bị đơn bà Lê Thị Ln trình bày: bà và bà T quen biết ở xóm, do nhu cầu sử dụng vốn nên bà có nhiều lần vay tiền của T, mỗi lần vay bà đều làm biên nhận và ký tên. Ngày 28/6/2017 âm lịch (tháng 6 trước), bà có đến nhà bà T vay số tiền 150.000.000 đồng, có làm biên nhận do bà viết và ký tên, trong biên nhận không ghi lãi nhưng lãi suất thỏa thuận là 300.000đồng/ngày/150.000.000 đồng, khi vay không xác định thời hạn, khi nào có tiền thì trả, sau khi vay thì 7 ngày sau (tức ngày 6/6/2017), bà đã trả tiền gốc 150.000.000đ và tiền lãi 2.100.000 đồng cho bà T, việc trả tiền không ai chứng kiến, không ai biết chỉ có bà và bà T, khi trả tiền bà có yêu cầu bà T xóa biên nhận nhưng bà không biết bà T có xóa hay không. Sau đó, bà đến nhà bà T để trả số tiền vay khác mà bà đã vay trước đó thì bà T mới nhắc đến số tiền chưa trả 150.000.000 đồng, còn 5 ngày nữa là đến tháng bà mới vỡ lẽ ra là còn nợ số tiền này, từ đó xảy ra tranh chấp. Bà không chấp nhận theo yêu cầu của bà T, ông Phong.

* Ông Phan Hoàng Phong P trình bày: Ngày 28/6/2017, bà Ln liện hệ với ông để vay tiền, ông điện thoại cho vợ là ba T nói có tiền nên ông cho bà Ln biết để đến nhà vay 150.000.000 đồng, đây là tiền chung của vợ chồng, ông yêu cầu bà Ln trả số tiền 150.000.000 đồng và lãi suất 7,5%/năm cho vợ chồng từ ngày vay đến ngày xét xử.

* Người làm chứng Bà Ngô Thị Thúy H trình bày: bà không có quan hệ họ hàng với vợ chồng bà T, ông P và bà Ln, bà có nhờ bà Ln vay 150.000.000đ, lãi suất 6%/tháng, nhưng không biết bà Ln vay tiền của ai. Sau đó, bà có đưa tiền trả cho bà Ln trả tiền vay, nhưng không biết bà Ln đã trả hay chưa, bà cũng không chứng kiến bà Ln trả tiền cho ai, tại đâu. Sau này, Bà mới biết bà Ln vay tiền của vợ chồng bà T, ông P do các bên phát sinh tranh chấp.

Luật sư trình bày luận cứ bảo vệ: Ngày 28/6/2017 (nhằm ngày 21/7/2017 dương lịch) đến ngày khởi kiện là ngày 23/8/2017 là còn thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung: Bị đơn bà Lê Thị Ln thừa nhận có vay của vợ chồng bà T, ông P số tiền 150.000.000đ nên nguyên đơn không phải chứng minh, bị đơn bà Ln khai đã trả tiền nhưng không xóa nợ, bà T không làm biên nhận nhận trả tiền, không ai chứng kiến nên bà Ln không chứng minh được là đã trả tiền vay gốc và lãi, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T đối với bà Ln.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện PT tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật; hoạt động xét xử tiến hành khách quan và đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Bị đơn thừa nhận có vay 150.000.000đ của nguyên đơn nhưng bị đơn không có chứng cứ chứng minh việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ và lãi vay. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và diễn biến phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Trần Thị DT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả tiền vay, tiền lãi nên quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Bà Lê Thị Ln với tư cách là bị đơn trong vụ kiện có nơi cư trú tại tổ 10, ấp HG 1, xã TH, huyện PT, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang.

Tòa án đưa ông Phan Hoàng Phong P tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vì ông P là chồng bà T, tài sản cho vay là tài sản chung của vợ chồng.

Vụ việc tranh chấp phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên ngày 28/6/2017al tức ngày 21/7/2017 dương lịch là thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ luật dân sự 2015 và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

[2]Về nội dung:

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị DT yêu cầu bà Lê Thị Ln phải trả số tiền vay 150.000.000 đồng và trả tiền lãi theo lãi suất 7,5%/năm từ ngày 28/6/207 âm lịch (tháng 6 trước) tức ngày 21/7/2017 dương lịch đến nay. Hội đồng xét xử nhận thấy: bà Ln thừa nhận có vay tiền 150.000.000đ của vợ chồng bà T, ông P, bà tự ghi biên nhận nợ và ký tên vào ngày 28/6/2017 al vào sổ nợ của bà T, nhưng bà cho rằng vào ngày 6/6/2017al đã trả số tiền vay cho bà T, bà có yêu cầu bà T xóa biên nhận, nhưng không biết bà T có xóa hay không, địa điểm trả tiền tại nhà bà T, lúc trả tiền không ai chứng kiến, lời trình bày này không được bà T, ông P thừa nhận, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Vậy, lời thừa nhận của bà Ln có vay của vợ chồng bà T, ông P nên ông P, bà T không phải chứng minh bà Ln có vay tiền. Tuy nhiên, bà Ln khai đã trả tiền vay thì bà phải có nghĩa vụ chứng minh, nhưng bà không chứng minh được đã trả số tiền 150.000.000đ vì khi vay bà viết biên nhận và ký tên là đã xác nhận nợ nhưng khi trả thì trách nhiệm của bà phải yêu cầu bà T viết biên nhận nhận trả tiền vay, hay bà phải tự xóa sổ biên nhận nợ hoặc phải yêu cầu bà T xóa biên nhận nợ chính bà chứng kiến đã xóa sổ nợ nhưng ở đây các giải pháp trên bà Ln đều không thực hiện để tự bảo vệ quyền lợi cho mình. Bà H với tư cách người làm chứng trình bày: bà không biết bà Ln vay tiền của ai, bà cũng không trực tiếp chứng kiến việc bà Ln trả tiền, trả tại đâu. Vì vậy, không có căn cứ chứng minh bà Ln đã trả số tiền 150.000.000đ cho vợ chồng ông P, bà T. Nên luận cứ bảo vệ của luật sư, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ theo quy định pháp luật.

Bà T, ông P đều xác nhận số tiền 150.000.000đ là tài sản chung vợ chồng cùng yêu cầu bà Ln trả số tiền vay và tiền lãi. Nên Hội đồng xét xử buộc bà Ln phải trả số tiền vay 150.000.000đ và tiền lãi cho vợ chồng bà T, ông P là có căn cứ.

Về lãi suất: Trong biên nhận nợ không ghi mức lãi suất nhưng nguyên đơn khai mức lãi suất 3%/tháng, bà Ln cho rằng lãi suất 6%/tháng, các bên không thống nhất về lãi suất, vậy có tranh chấp về mức lãi thì theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì mức lãi được tính là 10%/năm. Tuy nhiên, vợ chồng bà T, ông P chỉ yêu cầu tính mức lãi 7,5%/ năm, vậy mức lãi của tháng tương đương 0,625% là có lợi cho bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Số tháng chưa trả lãi từ 28/6 trước/2017al (tức ngày 21/7/2017 dương lịch đến ngày xét xử 28/02/2018) là 07 tháng 07 ngày.

Tiền lãi: 150.000.000đ x 0,625% x 07 tháng 07 ngày = 6.781.250đ (làm tròn 6.781.000đ)

Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Ông P không phải chịu án phí.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 229 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí tòa án, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Buộc bà Lê Thị Ln phải trả cho bà Trần Thị DT, ông Phan Hoàng Phong P số tiền vay gốc 150.000.000đ và tiền lãi: 6.781.000đ.

[2] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị DT, ông Phan Hoàng Phong P không phải chịu án phí, hoàn trả cho 3.750.000đ cho bà T theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ số 0016238 ngày 13/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT,

Bà Lê Thị Ln phải chịu án phí là 7.839.050đ (làm tròn 7.839.000đ) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT.

[3] Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 06, 07 và Điều 09 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện PT;
- Chi cục THADS huyện PT;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Đào Chí Keo